

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN AN DƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN AN DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN DUONG DEVELOPMENT INVESTMENT SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110449528

3. Ngày thành lập: 14/08/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 36 ngõ 58A, Phố Hoàng Đạo Thành, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0879487725

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn xe có động cơ khác; (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác. (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa. Môi giới hàng hóa (Không bao gồm đấu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
19.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
20.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
25.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan: khí dầu mỏ, khí butan, propan đã hóa lỏng	4661
26.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến. Bán buôn xi măng. Bán buôn kính xây dựng. Bán buôn sơn, vécni. Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. Bán buôn đồ ngũ kim	4663(Chính)
28.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn cao su. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt. Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
30.	Dịch vụ đóng gói	8292

31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ đấu giá)	8299
32.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
33.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
34.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
35.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
36.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
37.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
38.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản	6820
39.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán)	7020
40.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng; - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; - Tư vấn đấu thầu;	7110
41.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310
42.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
43.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
44.	Cho thuê xe có động cơ (không bao gồm hoạt động đấu giá)	7710
45.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
47.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
48.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
49.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
50.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
51.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730

52.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
53.	In ấn Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ in	1811
54.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
55.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
56.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4774
57.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
58.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
59.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
60.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
61.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Loại trừ hoạt động Hoa tiêu)	5222
64.	Bốc xếp hàng hóa	5224
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
66.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Dịch vụ Logistics	5229
67.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú	5510
68.	Cơ sở lưu trú khác	5590

69.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
70.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
71.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
72.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
73.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
74.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
75.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
76.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
77.	Đại lý du lịch	7911
78.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
79.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
80.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
81.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
82.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
83.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
84.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
85.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
86.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
87.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
88.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
89.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
90.	Xây dựng nhà để ở	4101
91.	Xây dựng nhà không để ở	4102
92.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
93.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
94.	Xây dựng công trình điện	4221
95.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
96.	Xây dựng công trình công ích khác	4229

97.	Xây dựng công trình thủy	4291
98.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
99.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
100.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
101.	Phá dỡ (không bao gồm hoạt động dò, nổ mìn)	4311
102.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm hoạt động nổ mìn)	4312
103.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
104.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
105.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
106.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Vải;- Len, sợi;- Nguyên liệu chính để làm chăn, thảm thêu hoặc đồ thêu;- Hàng dệt khác;- Đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...	4751
107.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
108.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
109.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
110.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
111.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
112.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu; Trừ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao: tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 3.600.000.000 VNĐ

Giới tính: N

Quốc tịch: $V \quad N$

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 089184000113

Ngày cấp: 20/04/2016 Nơi cấp: C C KQL DLQG

Địa chỉ thường trú: $S = 23/16/13$, $K = 13$, $P = 4$, $L = 1$, $T = 1$
 $T = 1$, $H = 1$, $C = 1$, $M = 1$, $V = 1$, $N = 1$

Địa chỉ liên lạc: CH 2508 G5 C F S G , K G ,
P K G , O T , T H N , V N

8. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: N

Chức danh: G

Quốc tịch: $V \quad N$

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: T

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 089184000113

Ngày cấp: 20/04/2016 Nơi cấp: C C KQL DLQG

Địa chỉ thường trú: $S = 23/16/13$, $K = 13$, $P = 4$, $L = 1$, $T = 1$
 $T = 1$, $T = 1$, $H = C$, $M = 1$, $V = N$

Địa chỉ liên lạc: CH 2508 G5 C F S G , K G ,
P K G , Q T , T H N , V N

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội